

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Học và bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn N, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 12/10/2021, bản tự khai ngày 15/11/2021 và cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đều trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn N tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không được hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Anh N thường xuyên gây gỗ, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Hiện tại, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

* Về con chung: Chị T trình bày anh và chị có 03 con chung là Võ Khánh H, sinh ngày 15/12/2012; Võ Khánh Đ, sinh ngày 13/9/2015 và Võ Khánh L, sinh ngày 25/01/2018. Chị T có nguyện vọng xin được nuôi con Võ Khánh L, giao 2 con Võ Khánh H và Võ Khánh Đ cho anh N nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con Võ Khánh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng.

*Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2021 và cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Văn N đều trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyên, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có người đàn ông khác, không quan tâm đến chồng con, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cãi vã nói nhau. Trước đây chị T yêu cầu xin ly hôn, nhưng vì các con đang còn nhỏ dại, nên anh N xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh hoàn toàn nhất trí.

* Về con chung: Anh N trình bày anh và chị T có 03 con chung là Võ Khánh H, sinh ngày 15/12/2012; Võ Khánh Đ, sinh ngày 13/9/2015 và Võ Khánh L, sinh ngày 25/01/2018. Anh N có nguyện vọng xin được nuôi 2 con Võ Khánh H và Võ Khánh Đ, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

* Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn N lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống về cơ bản không được hạnh phúc, nên trong quá trình chung sống thì giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống giữa vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, tính tính không phù hợp nên bất đồng về quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện về mặt thời gian, triệu tập anh N, chị T đến Tòa án để hòa giải nhằm động viên để vợ chồng anh, chị hàn gắn tình cảm nhưng quá trình hòa giải không thành. Tại phiên tòa cả chị T và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, sống với nhau không có hạnh phúc nên anh chị cùng thống nhất xin được thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về quan hệ con chung: Xét anh N, chị T có 03 con chung là Võ Khánh H, sinh ngày 15/12/2012; Võ Khánh Đ, sinh ngày 13/9/2015 và Võ Khánh L, sinh ngày 25/01/2018. Tại phiên tòa anh N, chị T thống nhất giao con Võ Khánh L cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao hai Võ Khánh H và Võ Khánh Đ cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con Võ Khánh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con Võ Khánh Đ đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Anh N, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55; Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn N.

2. Về con chung: Giao con Võ Khánh L, sinh ngày 25/01/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao 2 con Võ Khánh H, sinh ngày 15/12/2012 và Võ Khánh Đ, sinh ngày 13/9/2015 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con Võ Khánh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Lệ Thủy theo biên lai số 0004284, ngày 25/10/2021. Chị T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/12/2021), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- UBND xã C (để biết);
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

